ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2637/QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Dự án Nâng cấp kè biển Cẩm Nhượng, xã Thiên Cầm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo các Luật số 11/2022/QH15, 16/2023/QH15, 18/2023/QH15, 47/2024/QH15, 54/2024/QH15 và 146/2025/QH15; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số 57/2024/QH15, 90/2025/QH15; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15; Luật Đê điều số 79/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều; 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội; số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng; số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 ban hành định mức xây dựng; số 39/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung chi tiết trong Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; số 41/2026/TT-BXD ngày 29/6/2026 quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; Văn bản số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 và Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 02/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ nguồn ngân sách trung ương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án khắc phục hậu quả, phòng, chống thiên tai và đảm bảo an ninh, quốc phòng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 1172/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 về phê duyệt Chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp kè biển Cẩm Nhượng, xã Thiên Cầm; số 63/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 quy định một số nội dung về công tác thẩm định và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh và số 2386/QĐ-UBND ngày 02/10/2026 về tổ chức lại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở sáp nhập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh vào Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 1366/QĐ-UBND ngày 30/5/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 697/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 8754/SNNMT-QLXD ngày 20/10/2026 về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nâng cấp kè biển Cẩm Nhượng, xã Thiên Cầm (trên cơ sở Tờ trình số 128/TTr-BQLDA ngày 03/10/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh - nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh Hà Tĩnh theo Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 02/10/2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; kết quả thẩm định hạng mục giao thông của Sở Xây dựng tại Văn bản số 6066/SXD-HĐXD8 ngày 08/10/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án Nâng cấp kè biển Cẩm Nhượng, xã Thiên Cầm với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp kè biển Cẩm Nhượng, xã Thiên Cầm.

2. Loại, nhóm dự án; loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư công; nhóm B.

- Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Môi trường (công trình đê điều) cấp IV; công trình giao thông cấp III.

- Thời hạn sử dụng công trình theo thiết kế: 30 năm.

3. Mã định danh: 4226616035900.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Thiên Cầm, tỉnh Hà Tĩnh; tổng diện tích đất dự kiến sử dụng khoảng 10,2 ha, chủ yếu thuộc phạm vi tuyến kè hiện trạng và đất công.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh Hà Tĩnh).

7. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Viện Thủy công - Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam (HEC).

8. Mục tiêu dự án: Đầu tư nâng cấp hệ thống tuyến kè biển Thiên Cầm nhằm bảo vệ bờ biển, chống xói lở, giảm thiểu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu, hạn chế nguy cơ uy hiếp trực tiếp đến tính mạng và tài sản của người dân xã Thiên Cầm; đồng thời tạo lập không gian cảnh quan ven biển đồng bộ, hiện đại, góp phần phát triển kinh tế xã hội, cải thiện môi trường, phát triển du lịch, dịch vụ và kinh tế biển bền vững, từng bước đưa Khu du lịch biển Thiên Cầm trở thành điểm đến du lịch trọng điểm của tỉnh và khu vực Bắc Trung Bộ.

9. Quy mô đầu tư và các thông số kỹ thuật chủ yếu:

9.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Nâng cấp tuyến kè biển dài 2.255m (Km0+000 – Km2+255), điểm đầu tiếp giáp với khách sạn Sông La, điểm cuối kết thúc tại tuyến đê Phúc - Long - Nhượng; các thông số kỹ thuật như sau:

9.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

9.2.1. Hạng mục kè biển:

Nâng cấp tuyến kè biển dài 2.255m (Km0+000 – Km2+255), điểm đầu tiếp giáp với khách sạn Sông La, điểm cuối kết thúc tại tuyến đê Phúc - Long - Nhượng; các thông số kỹ thuật như sau:

- Đỉnh kè: Cao trình đỉnh kè được thiết kế theo từng đoạn tuyến: Đoạn 1 (Km0+000 – Km0+273): +6,00 m; đoạn 2 (Km0+273 – Km1+938): +5,50 m; đoạn 3 (Km1+938 – Km2+255): +5,00 m. Khóa đỉnh kè kết cấu dầm đỉnh bằng dầm bê tông cốt thép M400 bền sunfat, kích thước (bxh) = (65x50)cm.

- Cơ kè: Đoạn từ Km0+000 đến Km1+938 bố trí cơ kè tại cao trình +2,50m, bề rộng 3,50m; được gia cố bằng cấu kiện bê tông M400 bền sunfat tiêu sóng loại 1 tấn, phía dưới là lớp đá hộc trọng lượng 100-200kg dày 60cm, lớp đá dăm đệm dày 20 cm và vải địa kỹ thuật 25 kN (có kích thước lỗ biểu kiến ≤0.43mm).

- Mái kè: Đoạn từ Km0+000 đến Km1+938, mái phía trên cơ kè với hệ số

mái m = 3,0, mái phía dưới cơ kè với hệ số mái m = 5,0; gia cố mái bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M400 bền sunfat dạng bậc loại trọng lượng 2 tấn, phía dưới bố trí lớp đá hộc, đá dăm đệm và vải địa kỹ thuật 25kN. Hoàn trả bãi cát hiện trạng sau thi công đoạn từ Km0+000 đến Km0+400.

- Chân kè: Đoạn từ Km0+000 đến Km1+938 gia cố bằng lăng thể đá rộng khoảng 6,8 m, sâu 1,5m, kết hợp cấu kiện bê tông đúc sẵn, đá hộc, đá dăm và vải địa kỹ thuật; đoạn Km1+938 đến Km2+255 gia cố bằng dầm khóa bê tông cốt thép M400 bền sunfat kết hợp 2 hàng cấu kiện bê tông đúc sẵn M400 bền sunfat loại trọng lượng 1 tấn.

9.2.2. Hạng mục đường giao thông đỉnh kè:

- Phương án tuyến gồm 2 đoạn:

+ Đoạn 1 từ đầu tuyến đến lý trình Km 0+259,28 với bề rộng $B_{nền}$ =10,7m; với: bề rộng mặt đường $B_{mặt}$=3,75mx2=7,5m; vỉa hè trái rộng B_{vh}=2,0m; vỉa hè phải rộng trung bình B_{vh}=1,2m (chiều rộng vỉa hè phải biến thiên khớp nối theo địa hình hiện trạng). Độ dốc ngang mặt đường imặt=2%, độ dốc ngang vỉa hè $I_{viahè}$=1,5%.

+ Đoạn 2 từ lý trình Km 0+259,28 đến phạm vi cuối tuyến với bề rộng $B_{nền}$ =11,5m; với: bề rộng mặt đường $B_{mặt}$=3,75mx2=7,5m; vỉa hè rộng B_{vh}=2,0x2=4,0m. Độ dốc ngang mặt đường $i_{mặt}$=2%, độ dốc ngang vỉa hè $I_{viahè}$=1,5%.

- Nền đường: đắp đất đầm chặt đạt độ chặt K ≥ 0,98 (CBR ≥ 6) dày 50cm trên lớp đất K ≥ 0,95 (CBR ≥ 4), trước khi đắp đào bóc lớp hữu cơ, kết cấu hiện trạng, đánh cấp với các vị trí có độ dốc ngang đường tự nhiên ≥ 20%. Đối với một số vị trí có điều kiện địa hình đặc biệt, độ dốc mái ta luy được xem xét điều chỉnh phù hợp với địa hình thực tế.

- Kết cấu mặt đường: mặt đường bằng bê tông nhựa (gồm các lớp): lớp mặt đường bằng bê tông nhựa chặt C16, dày 7cm; tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1kg/m2; lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp cấp phối đá dăm loại II dày 25 cm.

- Vỉa hè: Vỉa hè lát gạch terrazzo trên lớp vữa lót M100, móng bê tông M150. Bó vỉa, đan rãnh: Bó vỉa, tấm đan bằng bê tông 30MPa, có lớp phủ bằng bê tông 60MPa trên lớp bê tông móng M150; vữa lót M100. Bố trí bồn cây xanh bằng bê tông M200; vữa lót M100.

- Hệ thống thoát nước mưa: Cống dọc: sử dụng cống tròn bằng bê tông cốt thép M300, tải trọng HL93 chạy dọc mặt đường; hố ga bằng bê tông cốt thép M250; tấm nắp, lưới chắn rác bằng bê tông cường độ cao tải trọng 250kN.

- Hệ thống hào kỹ thuật: Hào kỹ thuật có kích thước BxH=(0,38x0,34)m bố trí chạy dọc vỉa hè đường, kết cấu thân, nắp hào bằng bê tông cốt thép M300; hố ga kết cấu bằng bê tông cốt thép M250, nắp hố ga bằng bê tông cường độ cao tải trọng 250kN.

- Hệ thống điện chiếu sáng: sử dụng nguồn cấp điện tại trạm biến áp hiện có và xây dựng hệ thống chiếu sáng chạy dọc vỉa hè. Lắp đặt 01 tủ điều khiển chiếu sáng 100 A, vỏ inox 304 và hệ thống tiếp địa đồng bộ.

- Vuốt nối đường ngang: thiết kế vuốt nối vào tuyến chính đảm bảo hài hòa, êm thuận.

- Hệ thống an toàn giao thông: bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

10. Số bước thiết kế, danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn được lựa chọn:

10.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

10.2. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn được lựa chọn:

a) Quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 04-05:2022/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai; QCVN 7:2019/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông. QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật; QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ; QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng.

b) Tiêu chuẩn áp dụng:

- Tiêu chuẩn khảo sát địa hình: TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế; TCVN 14595-1:2025 Công trình đê điều – Phần 1: Thành phần, khối lượng khảo sát địa hình.

- Tiêu chuẩn khảo sát địa chất: TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế; TCVN 14595-2:2025 Công trình đê điều – Phần 2: Thành phần, khối lượng khảo sát địa chất; TCVN 9155:2021 Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật trong khảo sát địa chất. TCVN 9153:2012 Công trình thuỷ lợi - Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất; TCVN 9351:2012 Đất xây dựng - phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn.

- Tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 12845:2020 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật; TCVN 9901:2023 Công trình đê biển - Yêu cầu thiết kế; TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế; TCVN 9152:2012 Công trình thủy lợi - Tiêu chuẩn thiết kế tường chắn công trình thủy lợi; TCVN 8422:2010 Công trình thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công; TCVN 8421:2010 Công trình thủy lợi - Tải trọng và lực tác dụng lên công trình do sóng và tàu; TCVN 8218:2009 Bê tông thủy công - Yêu cầu kỹ thuật; TCVN 9346:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu bảo vệ chống ăn mòn trong môi trường biển; TCVN 8215:2021 Công trình thủy lợi - Thiết bị quan trắc; TCVN 4116:2023 Công trình thủy lợi - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công - Yêu cầu thiết kế; TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế; TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế; TCVN 5574:2018 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép; TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động; TCVN 9162:2012 Công trình thủy lợi - Đường thi công - Yêu

cầu thiết kế; TCVN 9165:2025 Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật đắp đê; TCVN 4252:2012 Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công; TCVN 4055:2012 Tổ chức thi công; TCVN 13718:2023 Công trình thủy lợi - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công - Yêu cầu thi công và nghiệm thu; TCVN 12261:2025 – Công trình giảm sóng, gây bồi bảo vệ bờ biển – Yêu cầu thiết kế là tiêu chuẩn quốc gia hiện hành; TCVN 9844:2013 Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu và các tiêu chuẩn, quy phạm khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư: **337.641.914.000 đồng** (Ba trăm ba bảy tỷ, sáu trăm bốn mốt triệu, chín trăm mười bốn ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí BT, GPMB (tạm tính):	1.054.311.000	đồng;
- Chi phí xây dựng:	284.446.525.000	đồng;
- Chi phí quản lý Dự án:	4.302.388.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	13.152.952.000	đồng;
- Chi phí khác:	4.424.587.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	30.261.151.000	đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án theo quy định.

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Theo Báo cáo nghiên cứu khả thi, tổng diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình dự kiến khoảng 10,2 ha, chủ yếu thuộc phạm vi tuyến kè hiện trạng và đất công. Dự án không phải di dời, tái định cư các hộ dân; một số công trình hạ tầng tạm, tài sản trong phạm vi xây dựng được xem xét giải phóng mặt bằng, bồi thường theo quy định. Kinh phí bồi thường, GPMB được Chủ đầu tư xác định tại Phương án sơ bộ BT, GPMB và đã được tạm tính vào tổng mức đầu tư của Dự án.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh Hà Tĩnh) - Chủ đầu tư, Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan chủ trì thẩm định), Sở Xây dựng (cơ quan phối hợp thẩm định) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo; tính hiệu quả về kinh tế - xã hội và đảm bảo an toàn kỹ thuật; sự tuân thủ quy định của pháp luật đối với nội dung trình, thẩm định và kiến nghị, đề xuất tại các Văn bản nêu trên và quá trình triển khai thực hiện dự án.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực

tỉnh Hà Tĩnh): Xây dựng đường găng tiến độ chi tiết để quản lý, tổ chức thực hiện Dự án đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ được giao và các yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 8754/SNNMT-QLXD ngày 20/10/2026, Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 6066/SXD-HĐXD$_8$ ngày 08/10/2026; tổ chức quản lý chi phí đầu tư xây dựng, giá gói thầu và hợp đồng xây dựng theo đúng quy định pháp luật, tuyệt đối không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí ngân sách Nhà nước; chủ động phối hợp với UBND xã Thiên Cầm và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh Hà Tĩnh) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc tổ chức thực hiện các nội dung nêu trên.

2. UBND xã Thiên Cầm: Phối hợp Chủ đầu tư thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án đáp ứng yêu cầu tiến độ của Dự án; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh nếu triển khai chậm trễ, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Dự án.

3. Các Sở: Tài chính; Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên kiểm tra, giám sát, hướng dẫn Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện Dự án; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, bảo đảm Dự án được triển khai đúng quy định pháp luật và hoàn thành đúng tiến độ yêu cầu.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh Hà Tĩnh); Chủ tịch UBND xã Thiên Cầm và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT&XT, HTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NL, NL$_1$.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Huy Thành